

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình)

Ông Lê Anh Chiến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 126/TB-TA ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/3/2021 và tại Biên bản hòa giải ngày 23/4/2021, 11/5/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Giữa chị T và anh H là vợ chồng, cưới nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10/01/2001. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã, anh H còn dùng những lời lẽ xúc phạm chị, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt đã kéo dài nhiều năm không hàn gắn được. Chị T và anh H

tuy sống chung nhà, nhưng cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Nhật G, sinh ngày 23/4/2001, hiện đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt;

Bị đơn Nguyễn Thanh H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Ly hôn*” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Thanh H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T có văn bản xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc được ly hôn anh Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị T và anh H là vợ chồng, cưới nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10/01/2001. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã, anh H còn dùng những lời lẽ xúc phạm chị, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt đã kéo dài nhiều năm không hàn gắn được. Chị T và anh H tuy sống chung nhà, nhưng cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau;

Tòa án nhân dân huyện C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh H nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của chị T và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh H không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như anh H không có phản đối gì đối với yêu cầu được quyền ly hôn của chị T;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh H không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Nhật G, sinh ngày 23/4/2001, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được quyền ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004778 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Thanh H vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND huyện Chợ Gạo;
 - Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
 - Các đương sự;
 - UBND xã A,
- Huyện P - Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Linh